

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2013



PETROLIMEX

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Tên Công ty

Tên tiếng việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU

Tên tiếng anh: PETROLEUM MECHANICAL STOCK COMPANY

Mã chứng khoán: PMS

Trụ Sở Công Ty

Địa chỉ: 446 Nơ Trang Long – P.13 – Q.Bình Thạnh – TP. Hồ Chí Minh

Điện Thoại: (08) 35533 325 – (08) 35533 397

Fax: (08) 35533 029

Website: www.pms.petrolimex.com.vn

MỤC LỤC

I.	Thông Tin Chung	1
1.	Thông Tin Tổng Quát	1
2.	Quá Trình Phát Triển	1
3.	Ngành Nghề Và Địa Bàn Kinh Doanh	2
4.	Thông Tin Về Mô Hình Quản Trị, Tổ Chức Kinh Doanh và Bộ Máy Quản Lý	3
5.	Định Hướng Phát Triển	4
6.	Các Rủi Ro	4
II.	Báo Cáo Của Hội Đồng Quản Trị	5
1.	Tình Hình Hoạt Động Sản Xuất Kinh Doanh	5
2.	Tổ Chức Và Nhân Sự	5
3.	Tình Hình Đầu Tư, Tình Hình Thực Hiện Các Dự Án	6
4.	Báo Cáo Tình Hình Tài Chính	7
5.	Cơ Cấu Cổ Động, Thay Đổi Vốn Đầu Tư Chủ Sở Hữu	8
III.	Báo Cáo Của Ban Giám Đốc	9
1.	Đánh Giá Hoạt Động Sản Xuất Kinh Doanh	9
2.	Tình Hình Tài Chính	10
3.	Những Cải Tiến Và Cơ Cấu Tổ Chức, Chính Sách Quản Lý	11
4.	Kế Hoạch 2014 Và Triển Vọng Trong Tương Lai	11
IV.	Đánh Giá Của Hội Đồng Quản Trị Về Hoạt Động Của Công Ty	13
V.	Quản Trị Của Công Ty	14
1.	Hội Đồng Quản Trị	14
2.	Ban Kiểm Soát	17
3.	Các Giao Dịch Thủ Lao Và Các Khoản Lợi Ích Của Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc Và Ban Kiểm Soát	19
VI.	Báo Cáo Tài Chính	22
1.	Ý Kiến Kiểm Toán	22
2.	Báo Cáo Tài Chính Đã Được Kiểm Toán	23



I. Thông tin chung**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
- Số giấy chứng nhận ĐKDN: Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần thứ 11 số 0301838116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 04 năm 2012, cùng các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi khác.
- Vốn điều lệ: 72.276.620.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 72.276.620.000 đồng
- Địa chỉ: 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: +(84 8) 5531761 Số fax: +(84 8) 5533029
- Địa chỉ website: <http://pms.petrolimex.com.vn>
- Mã cổ phiếu: PMS

2. Quá trình phát triển**Về thành lập :**

- Tiền thân của Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu là xưởng Cơ Khí Thống Nhất thuộc Bộ Vật Tư được thành lập ngày 22/10/1975 trên cơ sở quốc hữu hoá 2 Công ty Bình Lợi và Công ty Khai Thác Kỹ Nghệ Semi.
- Ngày 30/01/1988 theo quyết định 02VT-QĐ của Bộ Vật tư xưởng đổi tên thành Xí Nghiệp Cơ Khí 23/11 và trở thành đơn vị trực thuộc Công ty Xăng Dầu Khu Vực II. Ngày 17/12/1992 Xí nghiệp Cơ khí 23/11 đổi tên thành Xí nghiệp Cơ Khí Xăng Dầu (theo quyết định 111/TMDL/QĐ của Bộ Thương Mại và Du Lịch. Xí nghiệp trở thành đơn vị trực thuộc Tổng Công Ty Xăng Dầu Việt Nam.,
- Ngày 21/11/1997 theo quyết định số 1169/TM/TCCB của Bộ Thương Mại đổi tên Xí nghiệp Cơ khí Xăng dầu thành tên Công ty Cơ khí Xăng dầu trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam và là đơn vị hạch toán độc lập.
- Ngày 31/05/1999 theo quyết định số 132 /1999-QĐ/TT của Thủ tướng Chính Phủ chuyển đổi Công ty Cơ Khí Xăng Dầu thành Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu và Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam trở thành cổ đông lớn nhất nắm giữ 35 % vốn điều lệ.
- Ngày 06/11/2003 cổ phiếu của Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu được chính thức niêm yết tại trung tâm giao dịch chứng khoán TP HCM (mã giao dịch là PMS)
- Vốn điều lệ là 32 000 000 000 đồng (3 200 000 cổ phiếu)
- Năm 2005 công ty được bình chọn và trao tặng cúp vàng thương hiệu Việt và được Nhà nước tặng Huân chương lao động hạng II.
- Ngày 09/04/2007 Công ty tổ chức thành công đợt phát hành cổ phiếu, nâng số vốn điều lệ lên 52 000 000 000 đồng. Ngày 03/05/2007 Công ty chính thức niêm yết bổ sung 2 000 000 cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán TP HCM.
- Ngày 26/05/2009 cổ phiếu niêm yết của Công ty chuyển từ sàn TP HCM ra sàn Hà Nội.
- Ngày 19/12/2011 Công ty chính thức niêm yết bổ sung 2 027 662 cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, nâng số vốn điều lệ lên 72 276 620 000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

Các lĩnh vực hoạt động chính của công ty bao gồm :

Về sản xuất kinh doanh

- Thùng phuy thép 200 lít
- Thùng thép 18/20 lít
- Các loại bồn thép hình tròn , elip
- Các loại xe bồn đóng mới từ chasis Huyndai, Hino, Kamaz.

Về dịch vụ

- Đo lường kiểm định xe bồn
- Mua bán vật tư thiết bị xăng dầu
- Xây dựng cửa hàng xăng dầu và xây dựng công nghiệp
- Kinh doanh xăng dầu (bán lẻ và bán buôn)

Địa bàn kinh doanh: 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

183

NG

PH

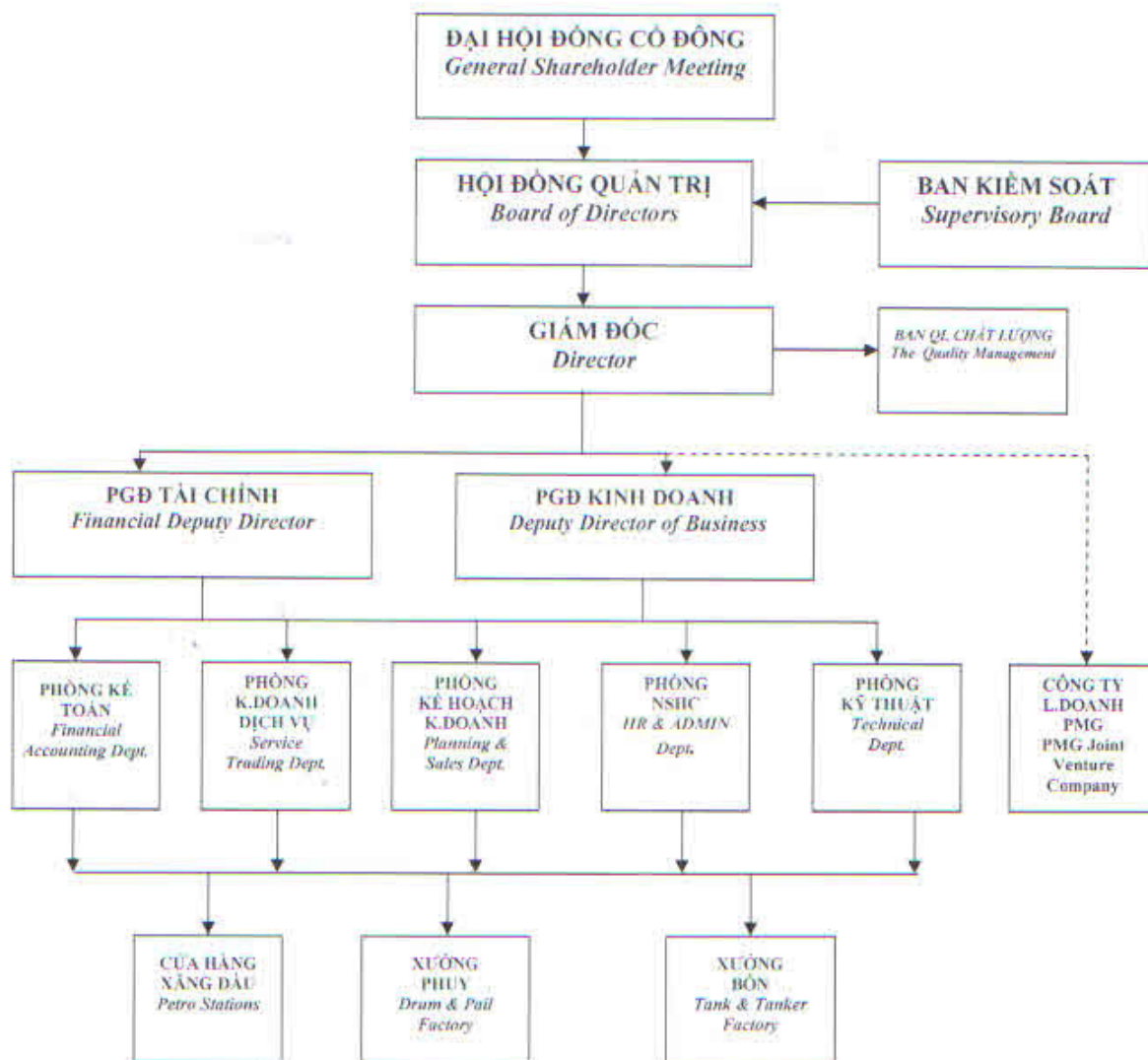
KH

G D

TP

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

Cơ cấu bộ máy quản lý



Các công ty liên quan

Tình hình đầu tư vào các công ty liên quan đến ngày 31/12/2013.

Công ty TNHH Cơ Khí Gas (PMG) : là công ty liên doanh giữa Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu và Công ty CP Gas Petrolimex thành lập theo quyết định số 4102018919 do sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp ngày 21/11/2003

Địa chỉ: Kho B tổng kho xăng dầu Nhà Bè, xã Phú Xuân, Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ : 22 524 919 267 đồng trong đó Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu 49% và Công ty CP Gas Petrolimex 51%.

Ngành nghề kinh doanh :

- Sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng và kiểm định bình Gas.
- Mua bán, thiết bị công nghệ ngành Gas – Xăng Dầu – Dầu khí.
- Tư vấn lắp đặt chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật ngành cơ khí LPG (khí hoá lỏng).
- Mua bán vật liệu xây dựng, nguyên liệu ngành gốm sứ, thiết bị hàng kim khí điện máy.
- Xây dựng công nghiệp.

5. Định hướng phát triển :

Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Giữ vững ổn định và phát triển bền vững lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính phụ 200 lít và thùng 18 / 20 lít.

Đa dạng hoá các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở khai thác những lợi thế sẵn có của công ty đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

Tăng cường công tác đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tạo công ăn việc làm và môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, quan tâm đến lợi ích cộng đồng, thực hiện các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2011-2015 theo tỷ lệ tăng trưởng hàng năm bình quân là 10% . Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ dự kiến bình quân hàng năm đạt từ 12 % đến 15 %.

Bên cạnh kinh doanh các sản phẩm truyền thống , ưu tiên phát triển kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ trong hệ thống Petrolimex . Nghiên cứu thị trường để phát triển kinh doanh các loại hàng hóa dịch vụ.

Đặc biệt giai đoạn này sẽ tập trung ổn định sản xuất , xây dựng các phương án giải quyết đất 446 Nơ Trang Long, đất Bình Dương... đạt hiệu quả cao nhất, xây dựng kế hoạch và lựa chọn địa điểm triển khai việc di dời , xây dựng nhà xưởng. Thành công của các dự án sẽ mở ra một hình ảnh mới của PMS , sẽ đem lại các nguồn lực cho sự phát triển Công ty trong những năm tiếp theo.

6. Các rủi ro

• Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay đã được ký kết theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách kiểm soát chặt chẽ số dư các khoản vay.

• Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp.

• Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty cần đưa ra các giải pháp kịp thời để hạn chế rủi ro tín dụng.

• Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong vòng kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

II Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2013:

- **Doanh thu:** đạt 751,1 tỷ đồng, vượt 30% kế hoạch
- **Lợi nhuận trước thuế:** đạt 9 tỷ đồng, vượt 13% so với kế hoạch

Cuối năm 2013 tình hình kinh tế trong nước có dấu hiệu phục hồi, với kết quả đạt được vượt kế hoạch đề ra có sự nỗ lực rất lớn của tập thể BGĐ và CB.CNV Công ty. Tuy nhiên vẫn còn một số mặt tồn tại, hạn chế trong tổ chức SXKD và quản lý, Công ty đã chấn chỉnh, rút kinh nghiệm để hoạt động được tốt hơn trong năm 2014 và các năm tiếp theo.

2. Tổ chức và nhân sự.

- **Danh sách ban điều hành**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Đoàn Đức Học	Giám đốc	
2	Dương Thị Bạch Xuyên	Phó Giám đốc	
3	Đào Quốc Hưng	Phó Giám đốc	

Phó Giám đốc : Bà **DƯƠNG THỊ BẠCH XUYẾN**
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Ngày tháng năm sinh : 08 -02 - 1961
 Địa chỉ : 130/ C1A Phạm Văn Hai - Phường 2 - Q Tân Bình
 Trình độ chuyên môn : Đại học tài chính - kế toán , Cao học Quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác :
 1984 - 1986 : CNVC CN Xunhasaba - TPHCM
 1987 - 2004 : CV, PP kế toán, kế toán trưởng Công ty Xăng Dầu Hậu Giang, Cần Thơ
 2005 - 2009 : TP kinh doanh, TP kế toán xí nghiệp bán lẻ xăng dầu - Công ty Xăng Dầu Khu Vực II
 2009- đến nay : Phó giám đốc Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
 Cổ phần cá nhân nắm giữ : 540 cổ phần

Phó Giám đốc : Ông **ĐÀO QUỐC HƯNG**
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Số CMND : 022383294
 Ngày tháng năm sinh : 14 - 04 - 1969
 Nơi sinh : Sài Gòn
 Quê quán : Dư Hàng Kinh - Lê Chân - Hải Phòng
 Địa chỉ : 310E, Chung Cư Hùng Vương, P11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí
 Quá trình công tác :
 1993 - 2005 : Chuyên viên kỹ thuật phòng Công nghệ Đầu tư - Công ty Xăng dầu khu vực II.

2005 – 2008 : Trưởng phòng dịch vụ Thương mại - XNDV Xây lắp và Thương mại Petrolimex Sài Gòn.
 07/2008 – 02/2009 : Phó Trưởng phòng Kinh doanh Cty cổ phần Cơ khí Xăng dầu.
 03/2009 - 06/2011 : Trưởng phòng Kinh doanh Cty cổ phần cơ khí Xăng dầu.
 Từ 07/2011 đến nay: Phó Giám đốc Cty cổ phần Cơ khí Xăng dầu.
 Cổ phần cá nhân nắm giữ 3.800 cổ phần

- **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, ban kiểm soát, kế toán trưởng**
 Hội đồng quản trị : ông Phạm Đình Kháng miễn nhiệm ngày 05/02/2013, ông Nguyễn Hữu Tâm miễn nhiệm ngày 05/06/2013
 Ban kiểm soát : Ông Nguyễn Hữu Tâm miễn nhiệm ngày 05/02/2013, bổ nhiệm ông Lê Huy Hiệp vào thành viên của Ban kiểm soát ngày 31/03/2013
 Ban giám đốc : không thay đổi

- **Số lượng cán bộ, nhân viên và các chính sách đối với người lao động**

Tính đến ngày 31/12/2013 tổng số lao động của công ty là 197 người, trong đó cơ cấu lao động như sau :

STT	Yếu tố	31/12/2013
	Số lượng nhân viên, công nhân	197
	Theo trình độ chuyên môn	
1	Thạc sỹ	3
2	Đại học, cao đẳng	37
3	Trung học chuyên nghiệp, bậc nghề	148
4	Lao động phổ thông	9

- **Chính sách đào tạo :**

Đào tạo là một chính sách rất được coi trọng tại Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu. Do đó hằng năm nhân viên của công ty đều được tham gia các khoá học căn bản và nâng cao kiến thức để phục vụ cho nghiệp vụ chuyên môn của mình.

Trong năm 2013, tổng quỹ lương hiện hành là 15,38 tỷ đồng tăng 8,4% so với kế hoạch, mức lương bình quân năm 2013 đạt 6.500.000 đồng/người/tháng tăng 18% so với kế hoạch.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

- **Thực hiện dự án đầu tư 2013:**

Dự án Khu căn hộ và Trung tâm TM 446 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM: Đã thanh lý hợp đồng với CDCo, hiện tại Dự án đang tạm dừng triển khai do thị trường Bất động sản gặp khó khăn.

Dự án tại Bình Dương: Đang thực hiện theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012, chuyển mục đích sử dụng để xây nhà thu nhập thấp theo đề xuất của cổ đông Daewon- Thủ Đức hoặc tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng.

Mua 2 cây xăng: Trong năm 2013 chưa thực hiện được nguyên nhân là do chưa tìm được CHXD phù hợp và hiệu quả.

Đầu tư sửa chữa nâng cấp: Công tác đầu tư nâng cấp đạt 89,82% so với kế hoạch với giá trị là 2.523.922.761 đồng.

Đầu tư mua mới MMTB: Công tác đầu tư mới MMTB đạt 94,68% so với kế hoạch với giá trị là 1.751.648.000 đồng.

- Các công ty con, công ty liên kết.

Tại Công ty PMG: Trong năm 2013 lợi nhuận Công Ty P.M.G đạt 4,3 tỷ, trong đó lợi nhuận Công Ty PMS được chia năm 2013 là 1,13 tỷ đồng đạt 95% kế hoạch năm.

4. Báo cáo tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2012	So sánh 2013/2012
				2012
Tổng giá trị tài sản	Vnd	169,826,362,79 3	183,481,630,85 4	-7,44%
Doanh thu thuần	Vnd	751,143,967,06 4	598,358,695,13 0	25,53%
Lợi nhuận từ HĐKD	Vnd	9,854,850,406	5,307,490,483	85,68%
Lợi nhuận khác	Vnd	(786,022,116)	1,490,041,347	152,75%
Lợi nhuận trước thuế	Vnd	9,068,828,290	6,797,531,830	33,41%
Lợi nhuận sau thuế	Vnd	6,479,293,486	5,990,234,100	8,16%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	5%	6%	-

b. Khả năng sinh lời và khả năng thanh toán

Chỉ tiêu / hệ số	ĐVT	Năm 2013	Năm 2012	So sánh 2013/2012
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	triệu	751,143	598,358	+152,785
Giá vốn hàng bán / doanh thu	%	94,44%	94,72%	-0,28%
Lợi nhuận gộp / doanh thu	%	5,56%	5,28%	+0,28%
Chi phí bán hàng / doanh thu	%	1,75%	1,61%	+0,14%
Chi phí quản lý / doanh thu	%	2,61%	2,49%	+0,12%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,54	1,09	+0,45
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,40	2,08	+0,32
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Tỷ số nợ trên tổng tài sản (D/A)	Lần	0,31	0,36	-0,05
Tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu (D/E)	Lần	0,45	0,57	-0,12
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				

Vòng quay hàng tồn kho	Lần	17.15	9.04	+8.11
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	4.42	3.13	+1.29
Tỷ suất sinh lợi				
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	3.82%	3.26 %	+0.56%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu (ROS)	%	0.86%	1 %	-0.14%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1.31%	0.92 %	+0.39%
Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5.52%	5.11 %	+0.41%

(Nguồn số liệu lấy từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2013)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường , cổ phiếu ưu đãi ..)

+ Cổ phiếu thường	7.227 .662
+ Cổ phiếu ưu đãi	0

Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại :

+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại :	7.201.772
+ Số lượng cổ phiếu quỹ :	25.890

Những thay đổi về vốn cổ đông, vốn góp :

Trong năm 2013, Công ty không phát hành thêm cổ phiếu.

• Thông tin cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Đại diện cổ đông Nhà nước Trần Đăng Ly	48 Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1	112.000	11.200.000	21,54
2	Nguyễn Thị Vịnh	338F Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh	1.320	132.000	0,25
3	Hồ Xuân Địa	446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh	500	50.000	0,1
4	Nguyễn Tường Ninh	94 Mạc Thị Bưởi, Phường Bến Nghé, Quận 1	500	50.000	0,1
5	Nguyễn Thanh	49 Lê Hồng Pong, Phường Phước Tân, TP Nha Trang	500	50.000	0,1

• Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Số TT	Chi tiêu	Xác định ngày 31 - 12- 2013	
1	Tổ chức/ cá nhân	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
	Tổ chức	5,368,492	74.277 %
	Cá nhân	1,859,170	25.723 %
	Cộng	7,227,662	100%
2	Trong nước/ Ngoài nước	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
	Trong nước	5,249,528	72.63 %
	Ngoài nước	1,978,134	27.37 %
	Cộng	7.227.662	100%
3	Cổ đông lớn/ Cổ đông nhỏ	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
	Cổ đông lớn	4.988.277	69.097 %
	Cổ đông nhỏ	2.239.385	30.903 %
	Cộng	7.227.662	100%
4	Cổ đông nhà nước/ cổ đông khác	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
	Cổ đông nhà nước	3.324.877	46 %
	Cổ đông khác	3.902.785	54 %
	Cộng	7.227.662	100%

• Thông tin của các cổ đông lớn.

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Cổ phần nắm giữ
1	Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam	Số 1 Khâm Thiên - Đống Đa - Hà Nội	Xăng dầu, dầu nhờn, xây dựng, bảo hiểm, vận tải, khí hoá lỏng, hoá chất, thiết bị xăng dầu, cơ khí...	46%
2	Công ty Phát Triển Nhà DAEWON - Thủ Đức	Số 1 khu đô thị mới An Phú- P An Phú, Q 2 - TPHCM	Xây dựng	23%

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2013 tình hình kinh tế, chính trị thế giới chưa thoát khỏi khủng hoảng. Ở trong nước, mặc dù một số cân đối vĩ mô có cải thiện, nhưng các hoạt động sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Lạm phát tuy đã được kiềm chế nhưng vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ tăng trở lại. Nợ xấu về cơ bản chưa được giải quyết. Việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng của nhiều Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Tuy vậy, với sự cố gắng nỗ lực rất lớn của tập thể

CBCNV Công ty, việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013 được ĐHĐCĐ năm 2012 giao đã đạt được kết quả tương đối khả quan. Doanh thu đạt 751.1 tỷ đồng vượt 30% kế hoạch, lợi nhuận đạt 9 tỷ đồng vượt 13% kế hoạch.

Trong đó :

Sản phẩm xường thùng + phuy :

Sản phẩm phuy 200L và Thùng 18/20L đều vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận. Nguyên nhân: do 6 tháng cuối năm 2013 tình hình kinh tế trong nước có dấu hiệu phục hồi, bộ phận kinh doanh đã tăng cường công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng. Kết quả sản lượng của khách hàng truyền thống tăng so với dự kiến, phát triển thêm một số khách hàng mới có sản lượng lớn như (Nanpao, Aica, Tân Trường Thịnh). Ngoài ra Công ty đã theo dõi sát diễn biến thị trường nguyên liệu, nhập dự trữ với giá bình quân thấp, tiết giảm chi phí sản xuất, trong khi giá bán đàm phán với khách hàng duy trì không đổi, một số trường hợp giá bán tăng lên. Cụ thể như sau:

Thùng phuy: sản lượng đạt 210,501 cái vượt 13% so với kế hoạch. Doanh thu đạt 98,1 tỷ đồng vượt 23% kế hoạch, lợi nhuận đạt 3,1 tỷ đồng, vượt 10% kế hoạch.

Thùng 18/20L: Sản lượng đạt 663,000 cái vượt 18% so với kế hoạch, doanh thu đạt 38,3 tỷ đồng vượt 20% kế hoạch, lợi nhuận đạt 1.13 tỷ đồng vượt 105% kế hoạch.

Sản phẩm xường bồn :

Mặc dù trong 3 tháng cuối năm có khởi sắc nhưng các chỉ tiêu kinh doanh các sản phẩm Xường bồn trong năm 2013 đều không đạt (trừ sản phẩm cơ khí khác). Nguyên nhân khách quan là do các Doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đang tiết giảm chi phí, hạn chế đầu tư. Tuy nhiên về mặt chủ quan: công tác tiếp thị chưa khai thác được khách hàng bên ngoài Tập đoàn xăng dầu.

+ **Kinh doanh xe bồn và bồn elip :** Doanh thu đạt 8,8 tỷ đồng đạt 54% so với kế hoạch, lợi nhuận đạt 253.5 triệu đồng đạt 72% so với kế hoạch năm.

+ **Bồn tròn các loại :** Sản lượng đạt 1,575 m³ bằng 83% kế hoạch. Doanh thu đạt 4.52 tỷ đồng đạt 71 % so với kế hoạch, lợi nhuận 235.3 triệu đồng đạt 67 % so với kế hoạch năm.

+ **Các sản phẩm cơ khí và dịch vụ khác:** Doanh thu đạt 19 tỷ đồng, tăng 9 lần so với kế hoạch. lợi nhuận đạt 720 triệu đồng tăng 3.6 lần so với kế hoạch năm. Nguyên nhân là do phát sinh lắp đặt sản phẩm "tiếp địa" cho Tập đoàn xăng dầu VN và một số dịch vụ cho công trình Vilube.

Sản phẩm dịch vụ và kinh doanh thương mại:

Tổng lợi nhuận đạt 2.8 tỷ đồng chiếm 31% lợi nhuận của toàn Công ty. Doanh thu và lợi nhuận lĩnh vực này đều vượt so với kế hoạch, trong đó:

+ **Kinh doanh thiết bị:** Doanh thu đạt 21.8 tỷ đồng vượt 9 % so với kế hoạch, lợi nhuận là 267 triệu đồng đạt 54 % so với kế hoạch năm. Nguyên nhân là trong năm Công ty có xử lý giảm giá bán lô hàng hóa tồn kho để thu hồi vốn.

+ **Kinh doanh xăng dầu :** Sản lượng đạt 25,960 m³ vượt 30 % so với kế hoạch, doanh thu đạt 535.6 tỷ đồng vượt 35 % kế hoạch, lợi nhuận đạt 1,9 tỷ đồng vượt 29 % kế hoạch năm.

+ **Kinh doanh dịch vụ xây lắp :** doanh thu đạt 11.8 tỷ đồng đạt 59 % kế hoạch, lợi nhuận đạt 215 triệu đồng đạt 84% so với kế hoạch.

+ **Kinh doanh sản phẩm nhận diện thương hiệu:** doanh thu đạt 13 tỷ đồng vượt 160 % so với kế hoạch, lợi nhuận đạt 395 triệu đồng vượt 98 % so với kế hoạch. Nguyên nhân là do Công ty đã tăng cường công tác tiếp thị, tổ chức lắp đặt các sản phẩm nhận diện thương hiệu cho các Công ty xăng dầu trong Tập đoàn xăng dầu VN.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/2013 là 169,826,362,793 đồng, giảm so với ngày 01/01/2013 là giảm 13,655,268,061 đồng trong đó chủ yếu giảm các khoản phải thu ngắn hạn từ 60,328,153,548 đồng tăng lên 64,261,173,440 đồng.

b. Tình hình nợ phải trả

Số dư nợ phải trả ngày 31/12/2013 là 52,525,782,085 đồng giảm so với ngày 01/01/2013 là 13,838,279,552 đồng trong đó chủ yếu giảm nợ vay ngắn hạn và các khoản phải trả khách hàng. Trong năm 2013 công ty luôn thực hiện thanh toán đúng hạn cho các bên liên quan

3. Những cải tiến và cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Từng bước tổ chức lại doanh nghiệp phân định rõ ràng trách nhiệm của từng bộ phận, phòng ban tạo điều kiện phát huy được năng lực của từng cá nhân và tập thể. Tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong công tác quản lý.

Triển khai từng bước áp dụng chương trình phần mềm kế toán, hạn chế các khâu thủ công và sử dụng tài sản của công ty một cách hợp lý và hiệu quả

Các biện pháp kiểm soát

Đánh giá kết quả công việc thực hiện của từng nhân viên trong công ty ngày càng nghiêm túc hơn góp phần nâng cao hiệu quả trong công việc. Hằng năm mức cạnh tranh của mặt bằng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc, trách nhiệm của từng người sẽ được đánh giá lại, xem xét và điều chỉnh cho phù hợp.

Kiểm soát chặt chẽ quy trình thanh toán, theo dõi công nợ, quy trình mua vật tư đầu vào.

4. Kế hoạch năm 2014 và triển vọng trong tương lai :

Dự báo tình hình kinh tế Thế giới có những khởi sắc trong năm 2014, tăng trưởng toàn cầu về cơ bản đang trên đà phục hồi, dù còn tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro và chưa vững chắc. Kinh tế Việt Nam năm 2014 được dự đoán có nhiều khả năng sẽ hồi phục nhưng không ổn định và tiềm ẩn nhiều nguy cơ lạm phát cao do tác động trễ của những chính sách tháo gỡ khó khăn sản xuất kinh doanh năm 2013.

• Kế hoạch SXKD năm 2014:

Căn cứ kết quả SXKD năm 2013 và dự báo, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2014, kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra cho năm 2014 như sau :

- Doanh thu bán hàng: 756 tỷ đồng, tương đương năm 2013
- Lợi nhuận trước thuế: 9.5 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2013
- Tổng giá trị đầu tư: 31 tỷ đồng (đầu tư sửa chữa MMTB, mua mới 02 cây xăng, thủ tục dự án 446 NTL...)

Công ty cần tập trung thực hiện các công tác chủ yếu là:

- Công tác sản xuất - kỹ thuật: Tập trung quản lý sản xuất, quản lý MMTB và thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật. Quản lý chất lượng sản phẩm, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong sản xuất. Đảm bảo tuân thủ các quy trình sản xuất, đáp ứng yêu cầu về công nghệ nhằm ổn định chất lượng và nhiệm vụ trọng tâm. Đồng thời tổ chức khai thác sử dụng hiệu quả thiết bị máy móc đã bị đã đầu tư, tổ chức nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, phát huy sáng kiến... tìm mọi biện pháp để không ngừng nâng cao năng suất lao động, nâng cao năng lực trình độ cán bộ và nâng cao tay nghề cho công nhân.

- Công tác lao động tiền lương: Tập trung công tác cán bộ; tiếp tục rà soát sắp xếp, cùng cố đội ngũ cán bộ chủ chốt; đào tạo, tuyển dụng, bổ sung thay thế lao động cho các phòng, ban, xưởng... nhằm đáp ứng yêu cầu công việc. Thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, có chính sách giữ được người có trình độ cao, tay nghề giỏi. Đảm bảo thu nhập và việc làm cho CBCNV Công ty.

- Công tác thị trường: Tăng cường công tác tiếp thị, phát triển sản phẩm mới, linh hoạt xử lý giá bán đối với từng khách hàng, tăng tính cạnh tranh, giữ được khách hàng truyền thống và phát triển khách hàng mới.

- Công tác Tài chính kế toán: Cùng cố nhân lực, hoàn thiện phần mềm kế toán đáp ứng và nâng cao yêu cầu quản lý tài chính, quản trị doanh nghiệp và hạch toán báo cáo kế toán đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, chủ động, linh hoạt trong việc giải quyết vấn đề vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư, tăng cường quản lý công tác tài chính như kiểm soát tốt công tác quản lý công nợ.

- Công tác đầu tư và triển khai các dự án: Theo dõi sát diễn biến thị trường bất động sản, phối hợp với đơn vị tư vấn đề có phương án đầu tư có hiệu quả của dự án 446 Nơ Trang Long, đất Bình Dương phù hợp với diễn biến thị trường và khả năng (vốn, con người...) của Công ty. Xây dựng kế hoạch và phương án đầu tư MMTB phục vụ yêu cầu sản xuất.

- Hoạt động liên doanh: Phát huy kết quả đạt được tron năm 2013, hỗ trợ, nâng cao năng lực hoạt động đề Công ty PMG tiếp tục phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

• Kế hoạch Tài chính năm 2014:

Tình hình tài chính năm 2014 dự báo có những khởi sắc, Công ty tăng cường quản lý công tác tài chính như kiểm soát tốt công tác quản lý công nợ, các biện pháp đảm bảo nợ, định mức số dư công nợ, theo dõi chặt chẽ và đôn đốc thu hồi kịp thời, giảm số dư công nợ phải thu, đảm phán nhà cung cấp kéo dài thời gian thanh toán, khách hàng ứng trước tiền hàng.

Với những định hướng trên, trong năm 2014 Hội đồng quản trị sẽ tăng cường chỉ đạo các hoạt động SXKD của Công ty, tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Giám đốc Công ty bám sát các mục tiêu kế hoạch đề ra. Đồng thời sẽ chỉ đạo linh hoạt các dự án đầu tư nhằm mang lại hiệu quả và tạo ra bước phát triển mới cho Công ty.

Giải pháp thực hiện :

Tổ chức, lao động, tiền lương:

Cùng cố tinh gọn bộ máy tổ chức đáp ứng yêu cầu quản lý, sản xuất kinh doanh. Làm tốt công tác định biên, chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là cán bộ quản lý và chuyên viên giỏi. Có kế hoạch bổ sung đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp phòng trở lên, ưu tiên việc tuyển dụng và đào tạo lao động có nghiệp vụ chuyên môn và tay nghề cao.

Đối với lao động trực tiếp: Cần phải rà soát sắp xếp hợp lý sản xuất, nâng cao năng suất lao động, chuẩn bị lực lượng để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2013 và những năm tiếp theo.

Tiền lương, tiền thưởng: Đảm bảo thu nhập CBCNV ổn định và ngày được nâng cao. Tiếp tục đánh giá và hoàn thiện quy chế lương, thưởng nhằm đảm bảo công bằng và là đòn bẩy tăng năng suất lao động và phát huy sáng tạo của người lao động. Thực hiện các phương án khoán lương phù hợp, hiệu quả, tìm kiếm, mở rộng kinh doanh sản phẩm mới tạo điều kiện nâng cao thu nhập cho người lao động.

Sản xuất - kinh doanh:

Xác định chiến lược và mục tiêu kinh doanh trong từng thời kỳ. Phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các bộ phận nghiệp vụ và các xưởng sản xuất, đáp ứng yêu cầu khách hàng về số lượng, chất lượng, tiến độ thời gian. Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp; nâng cao trình độ, khả năng đàm phán, bán hàng của cán bộ, chuyên viên phòng kinh doanh. Xử lý linh hoạt giá bán, làm tốt công tác hậu mãi sau bán hàng...Xây dựng và phát triển các kênh bán hàng có tiềm năng và hiệu quả bên cạnh củng cố kênh bán hàng truyền thống. Hỗ trợ linh hoạt các nguồn lực từ các kênh bán hàng này. Chú trọng công tác PR, quảng bá thương hiệu PMS, tăng cường các mối quan hệ đối với khách hàng hiện hữu, khách hàng tiềm năng. Thành lập bộ phận nghiên cứu mở rộng thị trường và phát triển kinh doanh sản phẩm mới.

Quản lý tài chính:

Xây dựng, hoàn thiện và ban hành các qui định về quản lý nội bộ; đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và đúng luật pháp qui định. Tổ chức đánh giá, phân tích có trọng điểm một số chỉ phí chính đầu vào, chi phí bán hàng, chi phí quản lý... tìm các giải pháp để tiết giảm các chi phí bất hợp lý.

Đảm bảo cân đối vốn đáp ứng kịp thời cho sản xuất kinh doanh, dự trữ tồn kho hợp lý, hiệu quả, xử lý linh hoạt theo tình hình thị trường. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng cường công tác quản lý công nợ, theo dõi chặt chẽ và đôn đốc thu hồi kịp thời, giảm số dư công nợ phải thu, hạn chế công nợ dấy dựa khó đòi; giảm tỷ trọng ứng trước tiền hàng cho người bán.

Quản lý dòng tiền: Theo sát và xử lý thật linh hoạt các nguồn tiền có tại đơn vị, đẩy nhanh tốc độ luân chuyển, nâng cao hiệu quả sử dụng, tiết kiệm tối đa chi phí lãi vay

Các giải pháp Kỹ thuật:

Đầu tư đổi mới hiện đại hóa một số máy móc thiết bị hiện có, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, tiết giảm chi phí và hạ giá thành sản phẩm nâng cao năng lực và khả năng cạnh tranh. Việc lựa chọn Phương án đầu tư – cải tạo – nâng cấp thiết bị phải đảm bảo phù hợp với mục tiêu phương hướng phát triển của Công ty, khả năng nguồn vốn và hiệu quả sử dụng.

Đảm bảo năng lực sản xuất hiện có thông qua công tác sửa chữa bảo trì thường xuyên máy móc thiết bị. Phát huy phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu thiết kế chế tạo sản phẩm mới và dịch vụ; cung cấp kịp thời, chính xác đảm bảo nhu cầu phát sinh của thị trường theo yêu cầu của Kinh doanh.

Thực hiện các chương trình rà soát, xây dựng và ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật, giảm chi phí và giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

- **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.**

Căn cứ nhiệm vụ đặt ra tại Nghị quyết ĐHĐCĐ Thường niên năm 2012 với những thuận lợi và khó khăn như Giám đốc Công ty đã báo cáo, trong năm qua HĐQT đã theo dõi các biến động thị trường và chỉ đạo sát sao, kịp thời hoạt động điều hành thông qua những nghị quyết cụ thể. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2012 tại Công ty như sau:

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013:

Năm 2013 tình hình kinh tế, chính trị thế giới chưa thoát khỏi khủng hoảng. Ở trong nước, mặc dù một số cân đối vĩ mô có cải thiện, nhưng các hoạt động sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Lạm phát tuy đã được kiềm chế nhưng vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ tăng trở lại. Nợ xấu về cơ bản chưa được giải quyết. Việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng của nhiều Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Tuy vậy, với sự cố gắng nỗ lực rất lớn của tập thể CBCNV Công ty, việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013 được ĐHĐCĐ năm 2013 giao đã đạt được kết quả tương đối khả quan.

Kết quả đạt được như sau

Doanh thu: 751.1 tỷ đồng, vượt 30% kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế: Đạt 9 tỷ đồng, vượt 13% kế hoạch.

Thực hiện dự án đầu tư 2013:

Năm 2013 do tình hình kinh tế khó khăn, thị trường bất động sản suy giảm, đóng băng, do vậy HĐQT đã quyết định giãn tiến độ so với kế hoạch. Phần lớn các Dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm lớn tại Công Ty đều tạm dừng; đang theo dõi xem xét và lựa chọn thời điểm thích hợp để quyết định tiếp tục triển khai dự án.

Dự án Khu căn hộ và Trung tâm TM 446 Nơ Trang Long, P.13, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM: tiếp tục đàm phán với các đối tác để chọn phương án phù hợp.

Dự án tại Bình Dương: theo NQ ĐHĐCĐ thường niên 2012, uỷ quyền cho HĐQT Công ty chọn phương án xử lý (bán, cho thuê...). Năm 2013 chưa thực hiện được, Công ty tiếp tục xem xét xử lý (bán, cho thuê...) trong năm 2014.

Mua 2 cây xăng: Đang tìm kiếm cửa hàng phù hợp với vốn đầu tư và đạt hiệu quả đầu tư.

Đầu tư sửa chữa nâng cấp máy móc thiết bị sản xuất tại 2 xưởng 4.25 tỷ đồng đạt 93.8% so với kế hoạch.

- **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty.**

Trong quá trình giám sát hoạt động SXKD năm 2013, HĐQT không thấy bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của BGD và các cán bộ quản lý Công ty.

BGD đã có những chủ động trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của HĐQT trong công tác điều hành, cố gắng hoàn thiện, đổi mới phương thức quản lý, thống nhất trong công tác điều hành, có những quyết sách kịp thời đúng đắn, khắc phục khó khăn, giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, nỗ lực đưa Doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn, bảo toàn nguồn vốn của Cổ đông.

- **Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.**

Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung chính vào chức năng giám sát hoạt động của HĐQT đối với ban điều hành, cán bộ quản lý và các mặt hoạt động của Công ty. HĐQT và Ban điều hành tập trung mọi nguồn lực để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2014 và những năm tiếp theo.

Công ty rà soát, sửa đổi bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ hiện hành để đáp ứng yêu cầu quản trị nội bộ của Công ty.

Công ty cần tiếp tục rà soát và thực hiện các biện pháp tích cực hơn nữa để tiết giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Công ty cần tăng cường công tác quản lý công nợ, tích cực đôn đốc và có giải pháp thu hồi công nợ quá hạn.

Công ty cần tăng cường nâng cao năng lực sản xuất trên cơ sở đầu tư có hiệu quả máy móc thiết bị chuyên dùng, tinh gọn bộ máy và nâng cao chất lượng người lao động.

Tích cực tìm kiếm các nhà cung cấp dịch vụ, nguyên vật liệu có uy tín, nguồn hàng ổn định để tăng tính cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Quang Kiên	Chủ tịch HĐQT	
2	Trịnh Bá Bộ	Phó chủ tịch HĐQT	
3	Howang Yu Nam	Ủy viên HĐQT	
4	Đoàn Đắc Học	Ủy viên HĐQT	Kiểm Giám Đốc
5	Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	Ủy viên HĐQT	

Chủ tịch HĐQT	:	Ông NGUYỄN QUANG KIÊN
Dân tộc	:	Kinh
Quốc tịch	:	Việt Nam
Ngày tháng năm sinh	:	25-09-1957
Nơi sinh	:	Quảng Yên - Yên Hưng - Quảng Ninh
Địa chỉ	:	F14 tập thể xăng dầu – Đồng Nhân – Hai bà Trưng – Hà Nội
Trình độ chuyên môn	:	Đại học
Quá trình công tác	:	
1974 - 1975	:	Khoa lưu học sinh – Đại học ngoại ngữ Hà Nội
1975 - 1981	:	Học đại học tại Hungary
1982 – 1989	:	CV phòng kỹ thuật Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam
08/1989 -10/1991	:	Phó phòng – trường phòng kỹ thuật
08 – 1993	:	TP Công nghệ đầu tư Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam
09 – 1994	:	TP Công nghệ phát triển Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam
06- 1998	:	Học lớp cao cấp lý luận chính trị - Học viện chính trị Quốc
Gia TPHCM	:	
03/2000 đến nay	:	Phó Tổng Giám Đốc Tổng công ty Xăng Dầu Việt Nam Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
Cổ phần cá nhân nắm giữ	:	380 cổ phần

Phó chủ tịch HĐQT	:	Ông TRỊNH BÀ BỘ
Dân tộc	:	Kinh
Quốc tịch	:	Việt Nam
Ngày tháng năm sinh	:	02 - 01 -1960
Địa chỉ	:	14 Trần Thị Kỳ - Phường 14 – Quận Bình Thạnh
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ khí và cử nhân kinh tế ngành kế toán
Quá trình công tác	:	
1982 – 1985	:	Công tác tại xí nghiệp 23/11 nay là PMSC
05/1985 -02/1989	:	Phó quản đốc – TP kinh doanh Công ty CP Cơ Khí Xăng Dầu
09/1990 – 05/1998	:	Phó giám đốc Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
06/1998 -09/2008	:	Giám đốc Xí nghiệp bán lẻ Xăng Dầu – Công ty XD Khu Vực II
Từ 10/2008 đến nay	:	Phó giám đốc Công ty Xăng Dầu KV II Phó chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
Cổ phần cá nhân nắm giữ	:	32.777 cổ phần
Cổ phần nhà nước uỷ quyền	:	không có

Ủy viên HĐQT	:	Ông HOWANG YU NAM
Quốc tịch	:	Hàn Quốc
Ngày tháng năm sinh	:	01 – 02 -1963
Nơi sinh	:	Hàn Quốc
Trình độ chuyên môn	:	Tốt nghiệp trường Đại học Miền Nam California Ngành Khoa học - Chính trị Tốt nghiệp thạc sĩ trường Đại học Mỹ

		Ngành Quản lý tài chính
Quá trình công tác	:	
1990 -1993	:	Chuyên viên phân tích dự án tại Hawai Medical Service Association, Honolulu , Hawaii.
1994 – 1998	:	Chuyên gia phòng phát triển tài chính tại Global Consulting Group
1999 – 2002	:	Giám đốc phòng kinh doanh quốc tế tại Centum City Corporation.
2002 đến nay	:	Giám đốc điều hành cho tập đoàn xây dựng DAEWON
2005 đến nay	:	Tổng giám đốc Công ty CP Phát Triển Nhà Daewon
	:	Ủy viên HĐQT của Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.

Ủy viên HĐQT	:	Ông ĐOÀN ĐẮC HỌC
Dân tộc	:	Kinh
Quốc tịch	:	Việt Nam
Ngày tháng năm sinh	:	24 - 09 -1968
Địa chỉ	:	553 / 28 E – Nguyễn Kiệm – Phường 9 – Quận Phú Nhuận -TPHCM
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư điện và cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
1991 – 2001	:	Cán bộ kỹ thuật – Quản đốc Công ty Cơ Khí Xăng Dầu
2001 -2003	:	Phó phòng kinh doanh Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
2003 -2008	:	Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
2009 - 2009	:	Phó giám đốc Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
11/2009 đến nay	:	Giám đốc Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
	:	Ủy viên HĐQT Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
Cổ phần cá nhân nắm giữ	:	61.840 cổ phần

Ủy viên HĐQT	:	Ông NGUYỄN VŨ BẢO HOÀNG
Dân tộc	:	Kinh
Quốc tịch	:	Việt Nam
Ngày tháng năm sinh	:	18 – 10 -1976
Nơi sinh	:	TP.HCM
Trình độ chuyên môn	:	Tiến sĩ Quản Trị Kinh doanh, Thạc sỹ kinh tế, Cử nhân quản trị kinh doanh, CEO, Giám đốc kinh doanh, Marketing (Đại học kinh tế TP.HCM)
Quá trình công tác	:	
1995 – 2005	:	Học và làm việc tại Sydney - Australia
2005 – 05/2010:	:	Giám đốc kinh doanh tiếp thị- Công Ty CP Phát Triển Nhà Thủ Đức
06/2010 – 03/2012:	:	Phó Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nhà Thủ Đức
03/2012 - Nay	:	UV HĐQT kiêm PTGD Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nhà Thủ Đức
08 /2013	:	Ủy viên HĐQT Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2013

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội Dung
1	08	23/01/2013	- Báo cáo ước kết quả SXKD 2012 - Báo cáo xây dựng KH SXKD 2013 - Công tác khác: + Bàn về tổ chức ĐHĐCĐ Thường Niên 2012. + Bàn dự án 446 Nợ Trang Long.
2	09	05/02/2013	- Thông qua đơn từ nhiệm HĐQT của ông Phạm Đình Kháng - Bầu bổ sung HĐQT- ông Nguyễn Hữu Tâm.
3	10	29/03/2013	- Công tác chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên 2012 - Công tác khác: + Xem xét đề xuất nội dung đưa vào ĐH của Cổ Đông Deawon Thủ Đức
4	11	18/04/2013	- Thông qua đơn từ nhiệm HĐQT của ông Nguyễn Hữu Tâm - Bầu bổ sung HĐQT- ông Nguyễn Vũ Bảo Hoàng- ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công Ty Phát Triển Nhà Thủ Đức giữ chức ủy viên HĐQT phần còn lại của nhiệm kỳ IV (2011-2015).
5	12	09/08/2013	- Báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2013, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2013 - Công tác khác: + Dự án 446 Nợ Trang Long: Tiếp tục triển khai dự án. + Dự án Bình Dương: nghiên cứu các phương án mang lại hiệu quả nhất cho Công ty.
6	13	30/10/2013	- Báo cáo kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2013, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2013 - Dự án Bình Dương tiếp tục nghiên cứu phương án kinh doanh do Deawon Thủ Đức đề xuất.

2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lê Huy Hiệp	Trưởng ban kiểm soát	
2	Nguyễn Hoàng Ngọc Phượng	TV ban kiểm soát	
3	Nguyễn Duy Hải	TV ban kiểm soát	PP kinh doanh

Trưởng ban kiểm soát : Ông **LÊ HUY HIỆP**
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Ngày tháng năm sinh : 11 - 07 - 1979
 Nơi sinh : Hồng Bàng – Hải Phòng.
 Địa chỉ thường trú : số 46/172 Phố Hồng Mai – P. Quỳnh Lôi – Q.Hai Bà Trưng – Hà Nội.
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân chuyên ngành tài chính kế toán – Đại học tài chính kế toán Hà Nội (nay là Học viện tài chính kế toán Hà Nội).

Quá trình công tác :
 02/2002 – 06/2003 : công tác tại kho gas Đức Giang – Công ty gas Petrolimex.
 07/2003 – 01/2006 : công tác tại phòng KTTC – Công ty CP gas Petrolimex.
 02/2006 – 09/2006 : điều động biệt phái từ Công ty CP gas Petrolimex đến công tác tại Công ty CP taxi gas Petrolimex Hà Nội.
 09/2006 – 09/2009 : công tác tại phòng KTTC – Công ty CP gas Petrolimex.
 09/2009 – đến nay : công tác tại phòng kiểm toán nội bộ Tổng công ty xăng dầu Việt Nam.
 Chức vụ hiện nay : chuyên viên phòng kiểm toán nội bộ Tổng công ty xăng dầu Việt Nam.
 Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ: không

Ủy viên ban kiểm soát : Ông **NGUYỄN DUY HẢI**
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Ngày tháng năm sinh : 11 – 09 -1981
 Nơi sinh : Thị trấn Quế - Kim Bảng – Hà Nam
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác :
 2005 – 2007 : CV phòng kế toán tài chính - Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
 2007 – 2010 : Phó phòng kế toán tài chính – Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.
 2010 đến nay : Phó phòng kế hoạch kinh doanh Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu
 05 /2010 : Ủy viên ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.
 Số lượng cổ phiếu cá nhân nắm giữ 500 cổ phần.

Ủy viên ban kiểm soát : Bà **NGUYỄN HOÀNG NGỌC PHƯƠNG**
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Ngày tháng năm sinh : 14 – 03 -1976
 Nơi sinh : Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác :
 11/1998 – 2000: Kế toán thanh toán Xí Nghiệp chăn nuôi Gò Sao
 02/2000 – 06/2001: Kế toán thanh toán Công Ty Phát Triển Nhà và Dịch Vụ Khu Công Nghiệp Thủ Đức.
 07/2001 – 12/2006: Kế toán thanh toán Công Ty CP Phát Triển Nhà Thủ Đức.

11	Nguyễn Hoàng Ngọc Phượng	TV. BKS	0.5	9	40,773,000
Cộng			6.9	92	598,000,000

Trong đó :

Thù lao TV. HĐQT và BKS không tham gia điều hành: 467,527,000 đồng

Thù lao TV. HĐQT và BKS tham gia điều hành: 130,473,000 đồng

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thu nhập Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm:

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG T.NHẬP	GHI CHÚ
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:		
1	Nguyễn Quang Kiên	92,463,300	
2	Trịnh Bá Bộ	73,970,100	
3	Howang Yu Nam	73,970,100	
4	Phạm Đình Kháng	31,724,400	
5	Đoàn Đắc Học	64,724,400	
6	Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	15,000,000	
II	BAN KIỂM SÁT:		
1	Lê Huy Hiệp	64,724,400	
2	Nguyễn Hữu Tâm	30,731,200	
3	Nguyễn Duy Hải	46,232,100	
4	Nguyễn Hoàng Ngọc Phượng	26,500,000	
III	BAN GIÁM ĐỐC và KẾ TOÁN TRƯỞNG:		
1	Đoàn Đắc Học	447,490,500	
2	Dương T. Bạch Xuyên	328,993,500	
3	Đào Quốc Hưng	328,023,500	
4	Hồ Trí Lượng	249,740,000	
	Tổng cộng	1,874,287,500	

<u>Bên liên quan</u>	<u>Năm 2013</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2012</u> <u>VND</u>
Thù lao HĐQT, BKS, Thu nhập BGĐ và KTT	1,874,287,500	1,157,100,000

01/2007 – 09/2007:	Trợ lý kế toán trưởng Công Ty Liên Doanh Phát Triển Nhà Daewon – Thủ Đức
10/2007 – 12/2011:	Trợ lý kế toán trưởng Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nhà Daewon – Thủ Đức
12/2011 – 01/2012:	Phó phòng kế toán Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nhà Daewon – Thủ Đức.
30/03/2013 – nay:	Ủy viên Ban Kiểm Soát Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Xăng Dầu.

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2013 Ban kiểm soát đã chủ động thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trên cơ sở quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công Ty. Cụ thể:

Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013, việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2012, việc tuân thủ Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công Ty và Pháp luật.

Tham gia các cuộc họp HĐQT Công ty, thường xuyên rà soát xem xét tính hợp lý, hợp pháp của việc ban hành Nghị quyết của HĐQT, nhằm đảm bảo sự hợp lý, đúng đắn và vì quyền lợi của Công ty.

Thẩm định Báo cáo tài chính, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Doanh nghiệp. Các kiến nghị và đề xuất về công tác quản lý và điều hành kinh doanh đã được HĐQT và Ban điều hành triển khai và khắc phục kịp thời.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

Theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 thông qua ngày 30/03/2013, mức thù lao HĐQT, BKS năm 2013 bình quân mỗi người/ 1 tháng bằng mức thu nhập bình quân CBCNV Công ty 1 người/ 1 tháng.

Thu nhập bình quân 1 CBCNV năm 2013 là: 6.500.000 đồng/ 1 tháng.

Tổng thù lao HĐQT: 6.500.000 đồng / tháng x 8 x 12 = 598.000.000 đồng

Bảng quyết toán thù lao HĐQT năm 2013.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	HỆ SỐ	T.GIAN	THU NHẬP
1	Nguyễn Quang Kiên	CT HĐQT	1.0	12	108,727,000
2	Trịnh Bá Bộ	PCT. HĐQT	0.8	12	86,982,000
3	Howang Yu Nam	PCT. HĐQT	0.8	12	86,982,000
4	Phạm Đình Kháng	UV. HĐQT	0.7	1	6,342,000
5	Nguyễn Hữu Tâm	UV. HĐQT	0.7	4	25,370,000
6	Đoàn Đắc Học	UV. HĐQT	0.7	12	76,109,000
7	Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	UV. HĐQT	0.7	5	31,712,000
8	Lê Huy Hiệp	TB. BKS	0.7	12	76,109,000
9	Nguyễn Hữu Tâm	TV. BKS	0.5	5	4,530,000
10	Nguyễn Duy Hải	TV. BKS	0.5	12	54,364,000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
	Không phát sinh						

TP.HCM, ngày 03 tháng 04 năm 2013



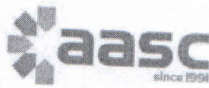
GIÁM ĐỐC

ĐOÀN ĐẶC HỌC

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đã được kiểm toán bởi Công ty CPA Việt Nam)

1. Ý kiến kiểm toán



Số: 82 /2014/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu được lập ngày 28 tháng 02 năm 2014, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Bùi Văn Thảo
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0522-13-002-1

TP Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2014

Kiểm toán viên

Trần Trung Hiếu

Trần Trung Hiếu
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2202-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		122,340,450,338	134,889,459,187
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12,423,091,341	7,601,903,818
111	1. Tiền		9,423,091,341	7,601,903,818
112	2. Các khoản tương đương tiền		3,000,000,000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	79,942,400	85,525,783
121	1. Đầu tư ngắn hạn		664,805,451	664,805,451
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(584,863,051)	(579,279,668)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		64,261,173,440	60,328,153,548
131	1. Phải thu của khách hàng		55,362,669,662	35,159,838,801
132	2. Trả trước cho người bán		7,194,051,994	14,943,973,923
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	2,440,030,217
135	5. Các khoản phải thu khác	5	4,292,877,657	9,306,316,759
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2,588,425,873)	(1,522,006,152)
140	IV. Hàng tồn kho	6	43,789,030,898	64,509,270,182
141	1. Hàng tồn kho		43,789,030,898	64,509,270,182
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1,787,212,259	2,364,605,856
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		42,070,449	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		25,072,342	1,238,487,361
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	7,278,456	249,182,580
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	1,712,791,012	876,935,915
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		47,485,912,455	48,592,171,667
220	II. Tài sản cố định		12,486,722,564	14,235,220,790
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	8,258,090,773	9,798,776,147
222	- Nguyên giá		44,491,423,918	45,043,477,274
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(36,233,333,145)	(35,244,701,127)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		220,000,000	220,000,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(220,000,000)	(220,000,000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	4,228,631,791	4,436,444,643
240	III. Bất động sản đầu tư	12	21,748,315,967	22,262,650,615
241	- Nguyên giá		23,145,059,192	23,145,059,192
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,396,743,225)	(882,408,577)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	11,037,210,441	11,037,210,441
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		11,037,210,441	11,037,210,441
260	V. Tài sản dài hạn khác		2,213,663,483	1,057,089,821
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	960,706,061	584,057,239
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2,957,422	3,032,582
268	3. Tài sản dài hạn khác		1,250,000,000	470,000,000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		169,826,362,793	183,481,630,854



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		52,525,782,085	66,364,061,637
310	I. Nợ ngắn hạn		51,017,664,454	64,855,944,006
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	-	8,906,384,716
312	2. Phải trả người bán		15,593,066,007	20,472,387,757
313	3. Người mua trả tiền trước		17,914,692,152	11,339,825,036
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2,521,481,051	731,362,013
315	5. Phải trả người lao động		1,674,393,727	2,102,067,065
316	6. Chi phí phải trả	17	8,622,199,593	12,518,436,025
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	4,676,323,905	8,473,591,173
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		15,508,019	311,890,221
330	II. Nợ dài hạn		1,508,117,631	1,508,117,631
333	3. Phải trả dài hạn khác		650,000,000	650,000,000
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		858,117,631	858,117,631
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		117,300,580,708	117,117,569,217
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	117,300,580,708	117,117,569,217
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		72,276,620,000	72,276,620,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		25,425,165,374	25,425,165,374
414	4. Cổ phiếu quỹ		(343,472,600)	(343,472,600)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		10,274,521,467	10,274,521,467
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4,313,742,981	4,014,231,276
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5,354,003,486	5,470,503,700
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		169,826,362,793	183,481,630,854

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		146,276,000	-
Nợ khó đòi đã xử lý		914,584,016	914,584,016
Ngoại tệ các loại			
- USD		66,285.83	10,680.00

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	751,143,967,064	598,358,695,130
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	-	23,983,271,245
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	751,143,967,064	574,375,423,885
11	4. Giá vốn hàng bán	23	709,409,088,714	544,032,999,448
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		41,734,878,350	30,342,424,437
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1,651,354,078	2,791,615,036
22	7. Chi phí tài chính	25	774,588,299	3,329,748,710
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		760,173,637	3,321,112,301
24	8. Chi phí bán hàng	26	13,180,325,594	9,620,216,796
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	19,576,468,129	14,876,583,484
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9,854,850,406	5,307,490,483
31	11. Thu nhập khác	28	37,731,139	2,019,595,286
32	12. Chi phí khác	29	823,753,255	529,553,939
40	13. Lợi nhuận khác		(786,022,116)	1,490,041,347
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9,068,828,290	6,797,531,830
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	2,589,459,644	810,330,312
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		75,160	(3,032,582)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6,479,293,486	5,990,234,100
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	773	791



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		9,068,828,290	6,797,531,830
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		2,661,490,969	2,705,209,474
03	Các khoản dự phòng		1,072,003,104	1,078,722,117
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực		(221,782)	626,909
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1,636,310,945)	(2,440,678,951)
06	Chi phí lãi vay		760,173,637	3,321,112,301
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11,925,963,273	11,462,523,680
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(3,322,857,355)	49,000,640,843
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		20,720,239,284	(8,596,742,478)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		(5,954,189,550)	(21,137,749,472)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(223,283,820)	(415,616,023)
13	Tiền lãi vay đã trả		(460,173,637)	(3,321,112,301)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1,210,548,848)	(3,577,204,043)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4,261,682,590)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		17,213,466,757	23,414,740,206
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(594,093,546)	(4,774,103,762)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	186,818,182
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1,240,091,746	3,781,653,164
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		645,998,200	(805,632,416)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		47,803,686,921	111,886,488,790
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(56,710,071,637)	(130,555,072,215)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4,132,114,500)	(6,236,417,300)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13,038,499,216)	(24,905,000,725)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4,820,965,741	(2,295,892,935)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7,601,903,818	9,898,423,662
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		221,782	(626,909)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	12,423,091,341	7,601,903,818

3018
ÔNG
Ổ PH
CƠ K
ẢNH
NH T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

1. THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu tiền thân là doanh nghiệp nhà nước được chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 132/1999/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301830116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 4 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty: 446 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 72.276.620.000 đồng tương đương 7.227.662 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Tân Bình Kim Hương	Cụm công nghiệp Tân Bình, Xã Tân Bình, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Thắng Lợi	Đường Xuyên Á, Ấp Tân Hòa, Xã Đông Hòa, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Thủ Đức	610 Xa lộ Đại Hàn, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
- Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Bạch Đằng	469 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Chiến Thắng	2A/7172 ấp 2 Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của các chi nhánh và cửa hàng: Kinh doanh xăng dầu.

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh. Kinh doanh vật tư, thiết bị xăng dầu, kinh doanh cơ khí bao bì. Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh;
- Cải tạo xe chuyên dùng, sửa chữa xe bồn các loại. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì. Đóng mới, sửa chữa bồn, bể;
- Sản xuất xe có động cơ: xe bồn (trừ thiết kế phương tiện vận tải và chỉ đóng mới, sửa chữa và lắp đặt bồn, bể, thùng lên phương tiện có sẵn động cơ);
- Đóng mới và sửa chữa tàu, xà lan và các sản phẩm cơ khí khác;
- Thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công nghiệp;



- Mua bán ô tô vận tải chuyên dùng;
- Mua bán xăng, dầu;
- Kinh doanh bất động sản. Đầu tư xây dựng, cho thuê hạ tầng cơ sở khu công nghiệp, trung tâm thương mại;
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Xuất nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị vật tư phục vụ cho sản xuất kinh doanh;
- Thi công lắp đặt hệ thống đường ống áp lực, hệ thống phòng cháy, chữa cháy;
- Sản xuất thiết bị cứu hộ, cứu sinh (không hoạt động tại trụ sở).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 05 năm
- Phần mềm kế toán	02 năm

Từ tháng 06/2013 Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm tài chính.

2.9 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính 45 năm.

2.10 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

163

IG

PH

KH

3 D

TP

2.14 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán

2.17 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng.

2.18 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	447,231,000	257,538,252
Tiền gửi ngân hàng	8,975,860,341	7,344,365,566
Các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾	3,000,000,000	-
	12,423,091,341	7,601,903,818

⁽¹⁾ Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn với lãi suất 7%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn ⁽¹⁾	309,805,451	309,805,451
Đầu tư ngắn hạn khác ⁽²⁾	355,000,000	355,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn ⁽³⁾	(584,863,051)	(579,279,668)
	79,942,400	85,525,783

⁽¹⁾ Chi tiết Chứng khoán đầu tư ngắn hạn:

Mã chứng khoán	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
CMG	3,360	306,000,000	3,360	306,000,000
REE	10	345,950	10	345,950
SD9	100	3,459,501	110	3,459,501
	3,470	309,805,451	3,480	309,805,451

⁽²⁾ Khoản đầu tư cổ phiếu OTC vào Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi số lượng 5.000 cổ phiếu.

⁽³⁾ Chi tiết dự phòng đầu tư ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Công Nghệ (CMG) ^(3.1)	(290,880,000)	(305,000,000)
Cổ phiếu Công ty Chế Biến Thủy Sản Út Xi ^(3.2)	(293,983,051)	(274,279,668)
	(584,863,051)	(579,279,668)

Cơ sở trích lập dự phòng:

^(3.1) Giá đóng cửa tại ngày 31/12/2013 của mã cổ phiếu CMG niêm yết trên sàn HOSE.

^(3.2) Cơ sở trích lập dự phòng là báo cáo tài chính kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 đã được soát xét của Công ty Chế biến Thủy sản Út Xi.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu các cửa hàng KD xăng dầu về tiền bán hàng	1,830,235,891	1,142,177,983
Phải thu Công đoàn Tập đoàn Công ty Xăng dầu về trả dự tiền lãi vay	-	300,000,000
Phải thu về cổ tức từ Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	1,133,969,199	750,000,000
Phải thu về thuế TNCN	210,601,817	442,227,001
Phải thu các đội về tiền thi công công trình	1,081,571,689	6,350,509,588
Phải thu lãi dự thù	12,250,000	-
Phải thu khác	24,249,061	321,402,187
	4,292,877,657	9,306,316,759

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24,933,653,674	27,947,643,555
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8,070,974,965	9,276,676,079
Thành phẩm	6,203,131,477	4,689,610,818
Hàng hoá	4,581,270,782	22,595,339,730
	43,789,030,898	64,509,270,182

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	7,278,456	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	249,182,580
	7,278,456	249,182,580

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	1,124,814,264	865,888,981
Tài sản thiếu chờ xử lý	587,976,748	11,046,934
	1,712,791,012	876,935,915

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	7,568,189,228	28,465,746,055	8,332,030,997	677,510,994	45,043,477,274
Số tăng trong năm	30,000,000	736,906,398	-	35,000,000	801,906,398
- Mua sắm mới	30,000,000	584,500,000	-	35,000,000	649,500,000
- XDCB hoàn	-	152,406,398	-	-	152,406,398
Số giảm trong năm	(49,652,076)	(351,708,259)	(79,151,530)	(873,447,889)	(1,353,959,754)
TT45/2013/TTBTC	(49,652,076)	(351,708,259)	(79,151,530)	(873,447,889)	(1,353,959,754)
Phân loại loại TSCĐ	(26,896,563)	254,277,263	(581,121,205)	353,740,505	-
Số dư cuối năm	7,521,640,589	29,105,221,457	7,671,758,262	192,803,610	44,491,423,918
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4,141,032,638	24,559,200,457	6,055,526,430	488,941,602	35,244,701,127
Số tăng trong năm	470,206,823	815,684,782	792,162,349	69,102,367	2,147,156,321
- Khấu hao TSCĐ	470,206,823	815,684,782	792,162,349	69,102,367	2,147,156,321
Số giảm trong năm	(27,927,831)	(296,887,273)	(70,684,977)	(763,024,222)	(1,158,524,303)
TT45/2013/TTBTC	(27,927,831)	(296,887,273)	(70,684,977)	(763,024,222)	(1,158,524,303)
Phân loại loại TSCĐ	110,010,678	213,184,327	(618,285,390)	295,090,385	-
Số dư cuối năm	4,693,322,308	25,291,182,293	6,158,718,412	90,110,132	36,233,333,145
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	3,427,156,590	3,906,545,598	2,276,504,567	188,569,392	9,798,776,147
Số dư cuối năm	2,828,318,281	3,814,039,164	1,513,039,850	102,693,478	8,258,090,773

Trong đó

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23,144,385,810 đồng.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán có nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế tại ngày 31/12/2013 là 220.000.000 đồng.

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án 446 Nơ Trang Long ⁽¹⁾	988,539,973	1,043,085,427
- Dự án nhà xưởng Nhà Bè ⁽²⁾	3,240,091,818	3,240,091,818
- Hệ thống hàn bồn tự động	-	153,267,398
	4,228,631,791	4,436,444,643

⁽¹⁾ Đây là dự án xây dựng Trung tâm thương mại và khu nhà cao tầng tại địa chỉ số 446 Nơ Trang Long, phường 13 quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Các khoản chi phí đã phát sinh lũy kế đến 31/12/2013 là các khoản chi phí tư vấn, thiết kế ban đầu của dự án. Hiện nay Công ty đang trong thời gian xin UBND TP.HCM hồ sơ pháp lý để thực hiện dự án. Trong năm 2013, do yếu tố khách quan nên Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu ("PMS") và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư & Thiết kế xây dựng CDCo ("CDCo") không thể thực hiện tiếp các điều khoản trong hợp đồng, hai bên đã thanh lý hợp đồng với khối lượng thực hiện là 270 triệu đồng/450 triệu đồng. PMS đã xuất hóa đơn chi phí cho CDCo, giá trị PMS phải hoàn trả lại cho CDCo và ghi giảm giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 60 triệu đồng bao gồm thuế GTGT.

⁽²⁾ Dự án Nhà xưởng Nhà Bè hiện nay đang tạm dừng thực hiện, các khoản chi phí đã đầu tư lũy kế đến 31/12/2013 là 3,24 tỷ đồng chủ yếu là các khoản chi phí đo vẽ, đồ phá bom mìn và san lấp mặt bằng.

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	23,145,059,192	23,145,059,192
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	23,145,059,192	23,145,059,192
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	882,408,577	882,408,577
Số tăng trong năm	514,334,648	514,334,648
- Khấu hao trong năm	514,334,648	514,334,648
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	1,396,743,225	1,396,743,225
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	22,262,650,615	22,262,650,615
Số dư cuối năm	21,748,315,967	21,748,315,967

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất với tổng diện tích 37.362,9 m² tại Xã Tân Bình, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng từ năm 2007 đến 2055.

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	11,037,210,441	11,037,210,441
- Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	11,037,210,441	11,037,210,441
	11,037,210,441	11,037,210,441

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Quyền kiểm soát	Hoạt động kinh doanh
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	Thành phố Hồ Chí Minh	49.00%	49.00%	Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, công nghệ ngành gas, xăng dầu, dầu khí.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	584,057,239	168,441,216
Số tăng trong năm	1,305,962,724	1,222,961,532
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(929,313,902)	(807,345,509)
Số dư cuối năm	960,706,061	584,057,239

Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	885,706,061	104,772,727
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	75,000,000	473,804,311
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	5,480,201
	960,706,061	584,057,239

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	8,906,384,716
- Vay ngân hàng	-	8,906,384,716
	-	8,906,384,716

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	948,874,254	635,519,929
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1,129,728,216	-
Thuế Thu nhập cá nhân	10,823,568	95,842,084
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	432,055,013	-
	2,521,481,051	731,362,013

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí thi công các công trình	7,402,914,922	11,318,211,939
- Cửa hàng Xăng dầu Quyết Thắng	-	1,207,370,182
- Cửa hàng Xăng dầu Thống Nhất	-	3,684,758,041
- Cửa hàng Xăng dầu Bạc Liêu	-	982,727,272
- Cửa hàng Xăng dầu 19 Sóc Trăng	-	564,743,301
- Công trình PVOIL	596,461,489	929,230,970
- Công trình Vilube	3,883,466,000	3,949,382,173
- Cửa hàng Xăng dầu số 06 Nam Tây Nguyên	1,390,446,608	-
- Cửa hàng Xăng dầu số 49 Nam Tây Nguyên	96,662,849	-
- Cửa hàng Xăng dầu Xuân Đường	135,873,932	-
- Công trình hệ thống thu hồi hơi	320,784,500	-
- Các công trình nhận dạng thương hiệu	979,219,544	-
Trích trước chi phí nhiên liệu đội vận tải	346,313,069	-
Trích trước chi phí tổ chức hội nghị khách hàng	330,000,000	-
Chi phí phải trả khác	542,971,602	1,200,224,086
	8,622,199,593	12,518,436,025

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	647,917,554	139,842,667
Kinh phí công đoàn	119,097,660	135,659,023
Bảo hiểm y tế	10,947,880	-
Phải trả ông Đoàn Đức Cường về tiền ứng vốn kinh doanh	-	380,319,072
Phải trả các cửa hàng Xăng dầu về chi phí hoạt động	-	271,418,814
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1,712,912,600	1,523,963,900
Phải trả bà Nguyễn Thị Hoàng Lan về tiền ứng vốn kinh doanh	1,281,279,107	1,349,995,242
Phải trả các đối về chi phí xây dựng	788,100,726	4,233,566,127
Phải trả, phải nộp khác	116,068,378	438,826,328
	4,676,323,905	8,473,591,173

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	72,276,620,000	72,276,620,000
- Vốn góp cuối năm	72,276,620,000	72,276,620,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4,321,063,200	267,763,800

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7,227,662	7,227,662
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	7,227,662	7,227,662
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	25,890	25,890
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	7,201,772	7,201,772
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (10.000 đồng/cổ phiếu)		

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	726,084,438,218	554,918,577,026
Doanh thu hợp đồng xây dựng	25,059,528,846	43,440,118,104
	751,143,967,064	598,358,695,130

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	23,983,271,245
	-	23,983,271,245

22 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hóa, thành phẩm	726,084,438,218	530,935,305,781
Doanh thu thuần về hợp đồng xây dựng	25,059,528,846	43,440,118,104
	751,143,967,064	574,375,423,885

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	685,177,529,813	502,608,119,584
Giá vốn hợp đồng xây dựng	24,231,558,901	41,424,879,864
	709,409,088,714	544,032,999,448

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	496,981,264	594,580,257
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,139,329,681	2,167,072,907
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	14,821,351	16,827,237
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	221,782	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	13,134,635
	1,651,354,078	2,791,615,036

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	760,173,637	3,321,112,301
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2,177,289	8,526,409
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	5,583,383	-
Chi phí tài chính khác	6,653,990	110,000
	774,588,299	3,329,748,710

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	224,493,673	-
Chi phí nhân công	1,022,069,115	956,390,190
Chi phí khấu hao tài sản cố định	883,444,530	895,004,992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,484,483,674	3,541,604,820
Chi phí khác bằng tiền	5,565,834,602	4,227,216,794
	13,180,325,594	9,620,216,796

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	174,729,614	638,341,489
Chi phí nhân công	10,545,664,641	7,070,545,328
Chi phí khấu hao tài sản cố định	388,700,866	525,502,376
Thuế, phí, lệ phí	2,098,230,852	876,741,041
Chi phí dự phòng	1,066,419,721	1,078,722,117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,877,658,412	896,798,054
Chi phí khác bằng tiền	3,425,064,023	3,789,933,079
	19,576,468,129	14,876,583,484

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	186,818,182
Quyết toán nhận đền bù giải tỏa khu đất 446 Nơ Trang Long	-	1,807,844,955
Thu nhập từ bán phế liệu	1,090,910	-
Tiền cho thuê mặt bằng cửa hàng xăng dầu	29,654,000	-
Thu nhập khác	6,986,229	24,932,149
	37,731,139	2,019,595,286

29 . CHI PHÍ KHÁC

Chi phí thanh lý tài sản
Phạt vi phạm hành chính về thuế
Nộp bổ sung thuế GTGT theo quyết toán thuế
Chi phí khác

Năm 2013	Năm 2012
VND	VND
-	507,792,395
432,055,013	-
215,092,147	-
176,606,095	21,761,544
823,753,255	529,553,939

30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN

Các khoản điều chỉnh tăng

- Nộp phạt vi phạm hành chính về thuế

Các khoản điều chỉnh giảm

- Cổ tức, lợi nhuận được chia

Thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp

- Thuế TNDN hiện hành (thuế suất 25%)

- Thuế TNDN phát sinh theo quyết toán thuế

Năm 2013	Năm 2012
VND	VND
9,068,828,290	6,797,531,830
647,147,160	-
647,147,160	-
(1,139,329,681)	(2,167,072,907)
(1,139,329,681)	(2,167,072,907)
8,576,645,769	4,630,458,923
2,144,161,442	-
445,298,202	347,284,419

Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 25%)

2,589,459,644	810,330,312
----------------------	--------------------

Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm

Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm

(249,182,580)	2,542,689,053
(1,210,548,848)	(3,602,201,945)

Thuế TNDN phải nộp cuối năm

1,129,728,216	(249,182,580)
----------------------	----------------------

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

Tổng lợi nhuận sau thuế

- Phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm

Năm 2013	Năm 2012
VND	VND
6,479,293,486	5,990,234,100
(912,790,000)	(292,030,400)
5,566,503,486	5,698,203,700
7,201,772	7,201,772

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

773	791
------------	------------

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	665,705,277,803	566,199,634,488
Chi phí nhân công	15,649,389,087	12,154,312,282
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,786,480,044	2,321,926,379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47,925,606,025	6,910,796,673
Chi phí khác bằng tiền	11,099,129,478	9,006,273,881
	742,165,882,437	596,592,943,703

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12,423,091,341	-	7,601,903,818	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	59,655,547,319	(2,588,425,873)	44,466,155,560	(1,522,006,152)
Đầu tư ngắn hạn	664,805,451	(584,863,051)	664,805,451	(579,279,668)
Đầu tư dài hạn	11,037,210,441	-	11,037,210,441	-
	83,780,654,552	(3,173,288,924)	63,770,075,270	(2,101,285,820)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay và nợ	-	8,906,384,716
Phải trả người bán, phải trả khác	20,919,389,912	29,595,978,930
Chi phí phải trả	8,622,199,593	12,518,436,025
	29,541,589,505	51,020,799,671

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12,423,091,341	-	-	12,423,091,341
Phải thu khách hàng, phải thu khác	57,067,121,446	-	-	57,067,121,446
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	79,942,400	-	-	79,942,400
Đầu tư dài hạn	-	-	11,037,210,441	11,037,210,441
	69,570,155,187	-	11,037,210,441	80,607,365,628
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7,601,903,818	-	-	7,601,903,818
Phải thu khách hàng, phải thu khác	42,944,149,408	-	-	42,944,149,408
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	85,525,783	-	-	85,525,783
Đầu tư dài hạn	-	-	11,037,210,441	11,037,210,441
	50,631,579,009	-	11,037,210,441	61,668,789,450

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	20,269,389,912	650,000,000	-	20,919,389,912
Chi phí phải trả	8,622,199,593	-	-	8,622,199,593
	28,891,589,505	650,000,000	-	29,541,589,505
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	8,906,384,716	-	-	8,906,384,716
Phải trả người bán, phải trả khác	28,945,978,930	650,000,000	-	29,595,978,930
Chi phí phải trả	12,518,436,025	-	-	12,518,436,025
	50,370,799,671	650,000,000	-	51,020,799,671

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

35. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

Ngày 04 tháng 08 năm 2010, Công ty ký hợp đồng góp vốn với DNTN Kinh doanh xăng dầu Kim Hương cùng hợp tác kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu tại địa chỉ ấp 1A, xã Long Xuyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Nội dung hợp đồng như sau:

- DNTN Kim Hương góp vốn bằng khu đất có diện tích 460,3 m² tại xã Long Xuyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu góp vốn bằng tiền để đầu tư trang thiết bị, xăng dầu phục vụ kinh doanh bán lẻ, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ chịu trách nhiệm quản lý và hạch toán sổ sách kế toán.
- Thời hạn thực hiện hợp đồng: Từ 04/08/2010 đến 30/04/2020;
- Phần chia lợi nhuận sau thuế: lợi nhuận được chia cố định cho DNTN Kim Hương như sau:
 - + Từ 03/08/2010 đến 31/05/2012 là 7.000.000 đồng/tháng.
 - + Từ 01/06/2012 đến 31/05/2020 mỗi năm tăng 10%.
- Hết thời hạn hợp tác, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ bàn giao lại tài sản là khu đất cho bên góp vốn.

Ngày 26 tháng 01 năm 2013, Công ty ký hợp đồng liên kết kinh doanh số 04/2013/HĐLKGD với Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 về việc góp vốn đầu tư kinh doanh bán lẻ xăng dầu. Nội dung hợp đồng như sau:

- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 góp bằng khu đất có diện tích 316 m² tại địa chỉ số 982 - Quốc lộ 1A, phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh dùng để xây dựng văn phòng, lắp đặt, kinh doanh trạm xăng. Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu góp vốn 1 tỷ đồng để đầu tư trang thiết bị, xăng dầu phục vụ kinh doanh bán lẻ;
- Thời hạn thực hiện hợp đồng: Từ 01/02/2013 đến 31/08/2018;
- Phân chia lợi nhuận sau thuế: Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 khoán mức lợi nhuận sau thuế cho Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu, theo đó mỗi tháng Công ty phải trả Công ty Công trình giao thông 610 số tiền lợi nhuận sau thuế là 85 triệu đồng.
- Hết thời hạn hợp tác, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ bàn giao lại tài sản là khu đất cho bên góp vốn.

2. Thông tin về lô hàng bán trả lại trong năm 2012

Ngày 29/11/2010, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu và Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu đã ký kết hợp đồng kinh tế số 196/CT-HĐ về việc cung cấp Cẩn xuất thủy cho kho xăng dầu thuộc dự án Cái Mép. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu đã thực hiện nhập khẩu hàng hóa, bàn giao cho Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu và ghi nhận doanh thu bán hàng trong năm 2011 số tiền 23.983.271.245 đồng. (VAT: 2.398.327.125 đồng).

Theo biên bản làm việc giữa Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu và Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu ngày 13 tháng 12 năm 2012, do tổng giá trị Công trình đầu tư dự án vượt dự toán dẫn tới việc không đủ nguồn vốn đối ứng, ngân hàng đã không tiếp tục giải ngân tiếp dự án cho Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu. Trong khi chờ phía Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu tìm đối tác để tiếp tục thực hiện dự án, hai bên thống nhất để Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu hoàn trả lại 03 Cẩn xuất thủy cho Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu. Đồng thời, Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu cũng cam kết rằng, khi dự án tiếp tục triển khai, Công ty này sẽ mua lại toàn bộ số lượng hàng hóa và dịch vụ cung cấp đi kèm theo giá của Công ty đã xuất hóa đơn. Hàng hóa nhập khẩu bị trả lại có giá trị 17.313.445.858 đồng đã được Công ty nhận lại, thực hiện nhập kho và quản lý theo đúng chế độ hiện hành.

Tuy nhiên, trong thời gian chờ phía đối tác là công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu cân đối nguồn vốn để mua lại, Công ty đã nhận được đơn mua hàng từ khách hàng là Công ty TNHH Kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong về việc mua lại toàn bộ 03 cẩu xuất thủy này để lắp đặt tại kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong tại xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Ban Giám đốc Công ty đã chấp thuận bán lô hàng hóa này, giao dịch mua bán được thực hiện theo 02 hợp đồng kinh tế số 10/13/VPT-HĐKT ngày 15/05/2013 và hợp đồng số 11/13/VPT-HĐKT ngày 15/05/2013 với tổng giá trị 02 hợp đồng là 17.011.363.636 đồng (chưa VAT).

Trong tháng 07 năm 2013, Công ty đã xuất kho, thực hiện lắp đặt 03 xuất thủy cẩu cho Công ty TNHH Kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong tại kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong thuộc xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Công trình đã được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng theo Biên bản số 290713/PMS ngày 29/07/2013.

36 . BẢO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Thương mại VND	Sản xuất VND	Xây dựng VND	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	726,084,438,218	-	25,059,528,846	751,143,967,064
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40,906,908,405	-	827,969,945	41,734,878,350
Tổng chi phí mua TSCĐ	493,406,398	225,000,000		718,406,398
Tài sản bộ phận	112,718,656,933	-	2,281,464,521	115,000,121,454
Tài sản không phân bổ				54,826,241,339
Tổng tài sản	112,718,656,933	-	2,281,464,521	169,826,362,793
Nợ phải trả của các bộ phận	8,161,257,825	-	165,186,675	8,326,444,500
Nợ phải trả không phân bổ				44,199,337,585
Tổng nợ phải trả	8,161,257,825	-	165,186,675	52,525,782,085

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Cổ đồng sáng lập	2,224,000,000	66,200,000
- Công ty Xăng dầu Bình Định	(*)	-	4,545,000,000
- Công ty Xăng dầu Trà Vinh	(*)	-	2,389,262,700
- Công ty Xăng dầu Komtum	(*)	-	127,032,000
- Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	(*)	-	520,070,500
- Công ty Xăng dầu Cà Mau	(*)	-	1,026,085,000
- Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex	(*)	-	35,000,000
- Chi nhánh TP.HCM Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex	(*)	-	153,303,800
- Công ty Xăng dầu Long An	(*)	1,030,200,872	3,901,643,647
- Công ty Xăng dầu Tây Ninh	(*)	315,029,091	999,492,000
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Tiền Giang	(*)	210,789,120	216,000,559
- Công ty CP Nhiên liệu Bay Petrolimex	(*)	29,764,000	1,720,975,000
- Công ty CP Thiết bị XD Petrolimex (Peco) - CN Tp	(*)	92,260,000	136,361,300
- Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	(*)	896,280	10,856,760
- Công ty Xăng dầu Đồng Nai	(*)	4,903,284,545	8,740,636,402
- Công ty Xăng dầu Phú Khánh	(*)	45,650,000	5,208,555,000
- Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	(*)	482,524,750	2,361,658,574
- Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	(*)	1,905,523,000	1,416,372,606
- Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	(*)	6,852,804,025	13,843,498,246
- Công ty TNHH MTV xăng dầu Sông Bé	(*)	495,391,631	193,298,552

- Công ty TNHH MTV xăng dầu Sông Bé -CN Bình	(*)	459,340,740	143,615,377
- Công ty TNHH Xăng dầu Lâm Đồng	(*)	2,031,165,017	544,952,000
- Công ty TNHH MTV Xăng Dầu An Giang	(*)	74,747,909	357,153,355
- Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	(*)	3,720,080,000	492,000,000
- Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	(*)	3,415,138,521	3,346,970,483
- Công ty Xăng dầu Bến Tre	(*)	824,988,783	2,019,948,000
- Tổng Công ty hóa dầu Petrolimex - CTCP - Công ty TNHH Hóa chất Sài Gòn	(*)	348,750,000	237,500,000
- Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	(*)	958,000,000	1,518,181,818
- Tổng Công ty hóa dầu Petrolimex - CTCP	(*)	9,408,228,000	8,712,252,000
- Công ty CP vận tải và dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	(*)	170,750,000	1,817,700,000
- Xí Nghiệp Dịch Vụ Xây Lắp & Thương Mại Petrolimex Sài Gòn	(*)	1,025,430,000	272,285,500
- Công ty Cổ Phần Xây Lắp 1 - Petrolimex	(*)	110,918,776	4,552,968,948
- Chi nhánh Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Petroli	(*)	720,303,160	3,023,650,640
- Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	(*)	198,000,000	302,204,000
- Xí nghiệp dịch vụ và thương mại - Công ty TNHH Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	(*)	29,285,800	36,750,000
- Công ty Xăng dầu B12	(*)	57,000,000	188,600,000
- Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu - Công ty Xăng dầu khu vực II	(*)	721,389,946	1,355,993,807
- Công ty TNHH Nhựa Đường Petrolimex	(*)	120,090,000	
- Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ - Chi nhánh Bạc Liê	(*)	104,730,132	
- Công ty Cổ phần tin học viễn thông Petrolimex	(*)	14,000,000	
- Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Petrolimex	(*)	11,533,181,819	
- Công ty liên doanh TNHH kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong	(*)	5,478,181,818	

Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ

- Công ty CP Thiết bị Xăng dầu Petrolimex (Peco)	(*)	50,570,000	
- Công ty CP Thiết bị XD Petrolimex (Peco) - CN Tp	(*)	2,540,000	
- Xí Nghiệp Dịch Vụ Xây Lắp & Thương Mại Petrolimex Sài Gòn	(*)	314,160,318	
- Các công ty Kinh doanh xăng dầu khác	(*)	17,976,147	
- Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	(*)	923,322,070	770,001,120
- Công ty Xăng dầu Khu vực II	(*)	526,634,930,990	367,719,310,103

Nhận tiền cổ tức

- Công ty TNHH Cơ Khí Gas P.M.G	Công ty liên kết	1,133,969,199	1,117,072,907
---------------------------------	------------------	---------------	---------------

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
Phải thu tiền hàng			
- Công ty Cổ Phần Xây Lắp 1 - Petrolimex	(*)	-	1,352,674,102
- Công ty Cổ phần Xây lắp 3 - Petrolimex	(*)	-	40,341,757
- Chi nhánh Công ty Xăng dầu Komtum	(*)	-	139,735,200
- Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	(*)	421,910,300	70,417,600
- Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	(*)	2,675,269,332	438,000,000
- Tổng Công ty hóa dầu Petrolimex - CTCP	(*)	946,979,924	1,286,615,924
- Công ty TNHH hóa chất Petrolimex	(*)	76,725,000	158,130,060

- Công ty Xăng dầu Đồng Nai	(*)	361,282,399	1,899,789,999
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	(*)	41,580,000	288,302,500
- Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex	(*)	17,325,000	50,000,000
- Công ty TNHH Xăng dầu Lâm Đồng	(*)	590,350,723	-
- Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	(*)	75,300,000	-
- Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	(*)	412,588,000	-
- Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	(*)	20,400,000	-
- Xi Nghiệp Dịch Vụ Xây Lắp & TM Petrolimex Sài	(*)	314,919,000	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Petroli	(*)	776,076,172	-
- Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Petrolimex	(*)	132,099,000	-
- Công ty liên doanh TNHH kho xăng dầu ngoại	(*)	4,478,181,818	-
quan Vân Phong			
- Công ty Xăng dầu Tây Ninh	(*)	36,025,000	-
- Công ty Xăng dầu Long An	(*)	100,650,000	-
- Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Petrolimex	(*)	1,268,650,000	-

Phải thu trả trước cho người bán

- Chi nhánh phía nam Công ty Cổ phần tư vấn xây	(*)	-	14,300,000
dựng Petrolimex			

Phải trả ứng trước tiền hàng

- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Cổ đông sáng lập	12,273,300,689	5,418,300,689
- Công ty TNHH xăng dầu Lâm Đồng	(*)	-	630,000,000
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Petrolimex	(*)	-	23,600,000
- Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	(*)	-	206,058,094
- Công ty TNHH xăng dầu Kiên Giang	(*)	-	316,140,000
- Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	(*)	-	1,372,800,000
- Công ty Xăng dầu Tiền Giang	(*)	100,000,000	-
- Công ty Cổ Phần Xây Lắp 1 - PETROLIMEX	(*)	31,500,000	-

Phải trả tiền hàng

- Công ty Xăng dầu Khu vực II	(*)	11,719,033,888	13,040,114,251
- Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	(*)	163,073,665	137,408,942
- Công ty CP Thiết bị xăng dầu	(*)	13,820,400	-

Ghi chú mối quan hệ:

(*) Các đơn vị cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
- Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	1,624,547,500	1,157,100,000

38 . SỞ LIỆU SO SÁNH

Sở liệu so sánh là sở liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được kiểm toán bởi Công ty hợp danh kiểm toán Việt Nam - CPA Việt Nam.